

HÓA ĐƠN ĐI CHỢ

Bữa ăn: Sáng - Trưa - Xế (Sáng - Trưa - Phụ - Xế)
Độ tuổi: Mẫu giáo (3 - 6 tuổi)
Số trẻ: 139

Số tiền mỗi trẻ: 37,000

Thực đơn:
Sáng: Cháo cá hồi, hạt sen, bí đỏ, phô mai, nấm đùi gà, mồng toi, hành lá, ngò rí
- Uống sữa Netsure
Trưa: Cơm trắng
- Tôm tươi xào thập cẩm (măng tây, ớt chuông vàng, nấm đông cô tươi, hành lá, ngò rí)
- Canh rau đay nấu nghêu, nấm bào ngư, hành lá, ngò rí
- Su su luộc
Xế: Chuối cau
Xế chiều: Mì trứng nấu sườn, bí ngòi, bông cải trắng, xà lách xoăn, hành lá, ngò rí

Stt	Mã hàng	Tên thực phẩm	Khối lượng thực (g)	Đơn giá (đồng/100g)	Thành tiền (đồng)
	* CHỢ				
1	0695	Dầu thực vật Tường An	1,550	3,140	48,670
2	0494	Đường cát	1,300	3,880	50,440
3	N0966	Muối Iot	900	740	6,660
4	0522	Nước mắm cá (loại đặc biệt)	1,000	6,160	61,600
5	0523	Nước mắm loại I	800	4,400	35,200
6	0004	Gạo tẻ máy	10,300	2,560	263,680
7	0120	Hành lá (hành hoa)	450	6,300	28,350
8	0164	Rau mùi (ngò rí)	350	8,820	30,870
9	0185	Tỏi ta	200	7,350	14,700
10	0119	Hành tím (hành củ tươi)	200	5,780	11,560
11	N0918	Phô mai Con Bò Cười	105	40,666.7	42,700
12	0085	Bí đỏ (bí ngò)	800	3,470	27,760
13	0122	Hạt sen tươi	250	37,170	92,925
14	0163	Rau mồng toi	400	4,520	18,080
15	0635	Nấm đùi gà	300	9,560	28,680
16	0384	Cá hồi	1,200	50,400	604,800
17	0209	Nấm hương tươi (nấm đông cô)	500	23,100	115,500
18	0144	Ớt chuông vàng	600	10,400	62,400
19	0134	Măng tây	600	14,390	86,340
20	0424	Tôm sú	3,500	30,980	1,084,300
21	N0778	Nấm bào ngư	600	12,920	77,520
22	0152	Rau đay	2,600	5,250	136,500
23	0439	Nghêu biển trắng (ngao)	4,000	6,300	252,000

24	0747	Chuối cau	8,500	2,680	227,800
25	0180	Su su	1,200	3,050	36,600
26	N0777	Mì sợi	2,200	7,700	169,400
27	0648	Bí ngòi (Bí Nhật Bản)	600	6,720	40,320
28	0181	Bông cải trắng (súp lơ)	600	9,030	54,180
29	0172	Rau xà lách	400	5,460	21,840
30	N0770	Thịt nạc dăm	600	17,850	107,100
31	0335	Sườn heo	1,700	25,520	433,840
32	0457	Sữa bột toàn phần	4,247.24	20,500	870,684
Tổng cộng					5,142,999

Tổng tiền thực phẩm	5,142,999
Tổng chi phí khác	0
Tiền được chi trong ngày	5,142,999
Số dư đầu ngày	-1
Số dư cuối ngày	0
Suất ăn lũy kế từ đầu tháng	0
Tiêu chuẩn lũy kế từ đầu tháng	76,590,000
Tiền chi lũy kế từ đầu tháng	76,589,996

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

CẤP DƯỠNG

KẾ TOÁN

Nguyễn Thị Huỳnh Lê

Nguyễn Thị Mỹ

Ngô Thị Ngọc Lan